

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 581/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 28 - 09 - 2023

V/v Tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Phan Minh Trâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Y;

Bà Dương Thị Thu Vân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Trương Tấn Thành là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà Lương Thị Trà My - Kiểm sát viên.

Vào ngày 28 tháng 09 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 353/2023/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 07 năm 2023 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 195/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 09 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh **Bùi Xuân P**, sinh năm 1973;

Địa chỉ: Tổ 38, Ấp TT B, xã BD, huyện CT, tỉnh Tiền Giang,

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn, có ông **Nguyễn Thành P1** - Luật sư, văn phòng luật sư Nguyễn Thành P1, thuộc đoàn luật sư tỉnh Tiền Giang.

Bị đơn: Chị **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1986;

Địa chỉ: Tổ 38, Ấp TT B, xã BD, huyện CT, tỉnh Tiền Giang

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Ngân hàng thương mại cổ phần AC (viết tắt ACB)

Trụ sở: 442, Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 5, Quận 3, thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật: Ông Từ Tiến P2, sinh năm 1974 – chức vụ Tổng giám đốc.

Đại diện theo uỷ quyền: Ông Lê Thanh H1, sinh năm 1978 – Chức vụ: Giám đốc Phòng quản lý nợ.

Ông Lê Thanh H1 uỷ quyền lại cho bà Nguyễn Thanh P3, sinh năm 1986 – chuyên viên xử lý nợ. Địa chỉ: Lầu 8, Tòa nhà ACB, 444A-446, đường Cách Mạng Tháng Tám, Phường 11, Quận 3, thành phố Hồ Chí Minh. Theo giấy uỷ quyền số 1733/UQ-QLN.23 ngày 23/08/2023.

(Anh P, chị H, chị P3 đều có mặt phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện và bản tự khai cùng ngày 15/06/2023 của nguyên đơn là anh Bùi Xuân P và trong quá trình xét xử trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị H chung sống với nhau có đăng ký kết hôn vào năm 2006 tại Ủy ban nhân dân xã Bình Đức, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang. Quá trình chung sống vợ chồng thời gian đầu sống hạnh phúc. Đến năm 2019 phát sinh mâu thuẫn vợ chồng do anh chị bất đồng với nhau về quan điểm sống, cả hai đã sống ly thân từ năm 2019, đến tháng 07 năm 2022 anh nộp đơn xin ly hôn sau đó rút đơn về. Nhưng từ khi rút đơn về cả hai không thể hàn gắn lại được tình cảm vợ chồng, nên anh đã tiếp tục nộp đơn khởi kiện xin ly hôn. Nay anh yêu cầu Tòa án cho anh được ly hôn với chị H.

Về con chung: Có hai con chung tên Bùi Thị Thanh H2, sinh ngày 19/09/2006 và Bùi Thị Thanh T, sinh ngày 15/01/2016. Hiện nay hai cháu đang sống với mẹ. Khi ly hôn Anh P yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Bùi Thị Thanh H2, đồng ý giao con chung là Bùi Thị Thanh T cho vợ trực tiếp nuôi dưỡng. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Có hai căn nhà cấp 4 xây dựng trên diện tích đất 423,6m² thuộc thửa 30, tờ bản đồ số 02, toạ lạc tại Ấp TT B, xã BĐ, huyện CT, tỉnh Tiền Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho vợ chồng anh vào ngày 12/11/2018. Hiện nay tài sản chung vợ chồng đã thế chấp tại Ngân hàng thương mại cổ phần AC. Khi ly hôn phần tài sản chung, vợ chồng anh tự thỏa thuận không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng anh có ký hợp đồng tín dụng số MYT.CN.2033.200619 vào ngày 21/06/2019 với ngân hàng AC để vay số tiền 410.000.000 đồng, thời hạn vay 10 năm (tức ngày đáo hạn hợp đồng 21/06/2029) nhưng thực tế chỉ vay có 400.000.000 đồng. Hiện nay còn nợ lại ngân hàng là 269.271.000 đồng cùng với tiền lãi phát sinh. Khi vay tiền vợ chồng có thế chấp tài sản là nhà và đất nêu trên cho ngân hàng theo hợp đồng thế chấp số MYT.BĐCN.340.200619 ngày 21/06/2019. Đối với số tiền vay này khi ly hôn vợ chồng anh tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại bản tự khai ngày 13/07/2023 của bị đơn là chị Nguyễn Thị H và trong quá trình xét xử trình bày: Chị thống nhất với lời trình bày của anh Bùi Xuân P về thời gian chung sống, đăng ký kết hôn, mâu thuẫn vợ chồng và thời gian sống ly thân. Nay Anh P yêu cầu ly hôn, chị đồng ý ly hôn.

Về con chung: Chị H thống nhất có hai con chung tên Bùi Thị Thanh H2, sinh ngày 19/09/2006 và Bùi Thị Thanh T, sinh ngày 15/01/2016. Khi ly hôn chị đồng ý giao con chung là Bùi Thị Thanh H2 cho Anh P trực tiếp nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng nuôi cháu H2 do Anh P không yêu cầu. Chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Bùi Thị Thanh T và yêu cầu Anh P cấp dưỡng nuôi cháu T mỗi tháng là 1.800.000 đồng cho đến khi cháu T trưởng thành và tự nuôi sống bản thân được.

Về tài sản chung: Có hai căn nhà cấp 4 xây dựng trên diện tích đất 423,6m² thuộc thửa 30, tờ bản đồ số 02, trong đó có 49,1m² là đất ở nông thôn và 374,5m² đất trồng cây lâu năm, tọa lạc tại Ấp TT B, xã BĐ, huyện CT, tỉnh Tiền Giang. Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp ngày 12/11/2018 do vợ chồng chị đứng tên. Hiện tài sản trên vợ chồng đã thế chấp tại Ngân hàng thương mại cổ phần AC. Khi ly hôn tài sản chung vợ chồng chị tự thỏa thuận, không yêu cầu toà án giải quyết.

Về nợ chung: Vào ngày 21/06/2019, chị và Anh P có ký hợp đồng tín dụng số MYT.CN.2033.200619 với ngân hàng AC, để vay số tiền 410.000.000 đồng thời hạn vay 10 năm để sửa chữa nhà, lãi suất do các bên thỏa thuận và phù hợp với pháp luật nhưng thực tế vợ chồng chị chỉ vay có 400.000.000 đồng. Hiện nay còn nợ lại Ngân hàng vốn gốc là 269.271.000 đồng cùng với tiền lãi phát sinh. Khi vay vợ chồng có ký hợp đồng thế chấp tài sản là nhà và đất nêu trên với ngân hàng, theo hợp đồng thế chấp số MYT.BĐCN.340.200619 ngày 21/06/2019. Nay ly hôn về phần nợ chung, chị và Anh P tự thỏa thuận không yêu cầu toà án giải quyết.

* Tại bản tự khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ngân hàng AC và trong quá trình xét xử đại diện theo uỷ quyền của ngân hàng trình bày: Vào ngày 21/06/2019 Ngân hàng có ký hợp đồng số tín dụng số MYT.CN.2033.200619 và Khế ước nhận nợ số 286747839 ngày 26/06/2019 với vợ chồng anh Bùi Xuân P và Nguyễn Thị H. Theo theo khế ước thì vợ chồng Anh P chị H chỉ vay số tiền 400.000.000 đồng, thời hạn vay là 120 tháng, lãi suất 11,30%/ năm và được điều chỉnh lãi suất 3 tháng/1lần, mục đích cho vợ chồng Anh P chị H vay để sửa chữa nhà. Để đảm bảo khoản, vay vợ chồng Anh P chị H có ký hợp đồng thế chấp số MYT.BĐSCN.340.200619 ngày 21/06/2019 là quyền sử dụng đất diện tích 423,6m² thuộc thửa 30, tờ bản đồ số 02, tọa lạc tại Ấp TT B, xã BĐ, huyện CT, tỉnh Tiền Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho vợ chồng Anh P chị H vào ngày 12/11/2018. Quá trình vay, vợ chồng anh chị đã trả nợ theo hợp đồng đúng hạn, hiện nay còn nợ lại ngân hàng vốn gốc 269.271.000 đồng và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng. Nay Anh P và chị H ly hôn, không yêu cầu giải quyết tài sản chung và nợ chung, đồng thời do vợ chồng anh chị vẫn trả nợ Ngân hàng đúng hạn theo hợp đồng, nên Ngân hàng không yêu cầu Toà án giải quyết đối với số nợ vay còn lại của Anh P chị H. Khi nào cần thiết ngân hàng sẽ khởi kiện bằng một vụ án dân sự khác.

* Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Bùi Xuân P là ông Nguyễn Thành P1 trình bày: Về hôn nhân Anh P và chị H đã thống nhất thuận tình ly hôn. Về con chung Anh P, yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung là Bùi Thị Thanh H2, sinh ngày 19/09/2006 và đồng ý giao cháu Bùi Thị Thanh T, sinh ngày 15/01/2016 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Nhận thấy yêu cầu này của Anh P là phù hợp pháp luật và phù hợp với nguyện vọng của các cháu, đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận theo yêu cầu của Anh P. Về tài sản chung và nợ chung cả hai tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang phát biểu:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã tuân thủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa. Các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa Anh P và chị H; Về con chung: giao con chung tên Bùi Thị Thanh H2, sinh ngày 19/09/2006 cho Anh P trực tiếp nuôi dưỡng. Chị H không phải cấp dưỡng nuôi cháu H2 do Anh P không yêu cầu. Giao cháu Bùi Thị Thanh T, sinh ngày 15/01/2016 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, Anh P phải cấp dưỡng nuôi cháu T mỗi tháng là 1.000.000 đồng cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi và tự nuôi sống bản thân được; Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự cùng thống nhất không yêu cầu tòa án giải quyết, nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Bùi Xuân P và chị Nguyễn Thị H chung sống với nhau vào năm 2006 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Bình Đức, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang là hôn nhân hợp pháp. Xét yêu cầu xin ly hôn của Anh P, về mâu thuẫn vợ chồng do anh chị bất đồng với nhau về quan điểm sống và cả hai đã sống ly thân khoảng 4 năm. Nay anh nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn lại được nên yêu cầu được ly hôn với chị H. Tại phiên tòa chị H đồng ý ly hôn theo yêu cầu khởi kiện của Anh P. Xét thấy sự thỏa thuận của các đương sự phù hợp với quy định pháp luật tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình. Do đó Hội đồng xét xử ghi nhận sự thuận tình ly hôn của Anh P và chị H.

- Về con chung: Anh P và chị H thống nhất giao cháu Bùi Thị Thanh H2 cho Anh P trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu Bùi Thị Thanh T cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy việc thỏa thuận nuôi con giữa các bên là phù hợp với quy định tại các Điều 81,82,83 Luật hôn nhân gia đình và cũng theo nguyện vọng của các con, nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh P không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi cháu H2, nên Hội đồng xét xử không xem xét. Đối với cháu T, chị H yêu cầu Anh P cấp dưỡng nuôi cháu T mỗi tháng là 1.800.000 đồng cho đến khi cháu T trưởng thành.

Xét thấy yêu cầu này là có cơ sở, bởi tại thời điểm xét xử cháu T chưa đủ 8 tuổi, thu nhập của Anh P và chị H mỗi người khoảng từ 3.000.000 đồng/ tháng đến 4.000.000 đồng/ tháng, vì vậy để đảm bảo nhu cầu thiết yếu cho cháu T, cần buộc Anh P phải cấp dưỡng nuôi cháu T mỗi tháng là 1.000.000 đồng cho đến khi cháu T trưởng thành và tự nuôi sống bản thân là phù hợp với qui định tại Điều 116 luật hôn nhân gia đình.

[2] Về tài sản chung và nợ chung:

- Về tài sản chung: Anh P chị H thống nhất có xây dựng hai căn nhà cấp 4 trên diện tích đất 423,6m² thuộc thửa 30, tờ bản đồ số 02, loại đất ở nông thôn diện tích 49,1m² và đất trồng cây lâu năm diện tích 374,5m² tọa lạc tại Ấp TT B, xã BD, huyện CT, tỉnh Tiền Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho vợ chồng anh chị vào ngày 12/11/2018, hiện nay đang thế chấp tại Ngân hàng AC. Tại phiên tòa anh chị thống nhất không yêu cầu tòa án giải quyết tài sản chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về nợ chung: Tại phiên tòa Anh P, chị H thống nhất có ký hợp đồng vay với ngân hàng AC theo hợp đồng tín dụng số MYT.CN.2033.200619 ngày 21/06/2019. Hiện nay cả hai còn nợ lại ngân hàng vốn gốc là 269.271.000 đồng và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng và không yêu cầu tòa án giải quyết đối với số nợ chung này. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Đối với ý kiến của người đại diện theo uỷ quyền của Ngân hàng AC là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Tại phiên tòa chị P3 không yêu cầu tòa án giải quyết đối với số tiền vốn gốc mà vợ chồng Anh P chị H còn nợ lại Ngân hàng là 269.271.000 đồng cùng với tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng số MYT.CN.2033.200619 ngày 21/06/2019 và tài sản thế chấp. Với lý do trong quá trình vay vợ chồng Anh P chị H đã thực hiện trả nợ đúng theo hợp đồng. Nếu thấy cần thiết ngân hàng sẽ yêu cầu giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Anh P phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định pháp luật. Ngoài ra Anh P còn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con.

Xét lời trình bày của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Xét thấy lời trình bày của Luật sư phù hợp với một phần nhận định của Hội đồng xét xử, nên chỉ được chấp nhận một phần.

Xét phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình ;

- Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ vào điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về hôn nhân: Ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Bùi Xuân P với chị Nguyễn Thị H.

2. Về con chung:

- Giao cho anh Bùi Xuân P trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Bùi Thị Thanh H2, sinh ngày 19/09/2006. Chị H không phải cấp dưỡng nuôi cháu H2 do Anh P không yêu cầu.

- Giao cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Bùi Thị Thanh T, sinh ngày 15/01/2016. Anh P phải cấp dưỡng nuôi cháu T mỗi tháng là 1.000.000 đồng. Thời gian bắt đầu thực hiện việc cấp dưỡng nuôi con từ khi án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi và tự nuôi sống bản thân được.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày chị H có đơn yêu cầu thi hành án nếu Anh P chậm thi hành thì phải chịu thêm tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Anh P, chị H có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí: Anh Bùi Xuân P phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0021984 ngày 05/07/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang. Như vậy Anh P phải nộp tiếp 300.000 đồng án phí.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND huyện Châu Thành, TG;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- UBND xã Bình Đức, huyện Châu Thành, TG;
- Các đương sự;
- Lưu HS-AV.

ĐÃ KÝ

Trịnh Phan Minh Trâm